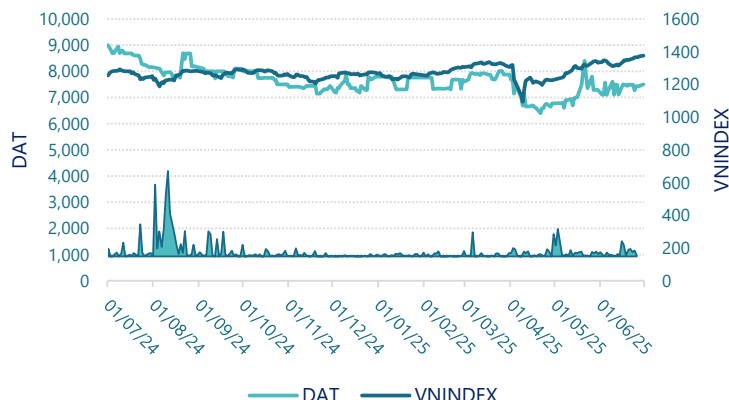




CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (HSX: DAT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,400
SL cổ phiếu LH	69,228,341
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,310
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	519
P/E	8.9
EPS	843

DT thuần

Q2/25

709

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 120 | 20.3%

YoY: ▼ 57.0 | -7.5%

LN sau thuế

Q2/25

16.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.30 | 24.5%

YoY: ▲ 0.20 | 1.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.5%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

6T 2025

1,298

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 172 | -11.7%

LN sau thuế

6T 2025

29.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.50 | -1.6%

ROE

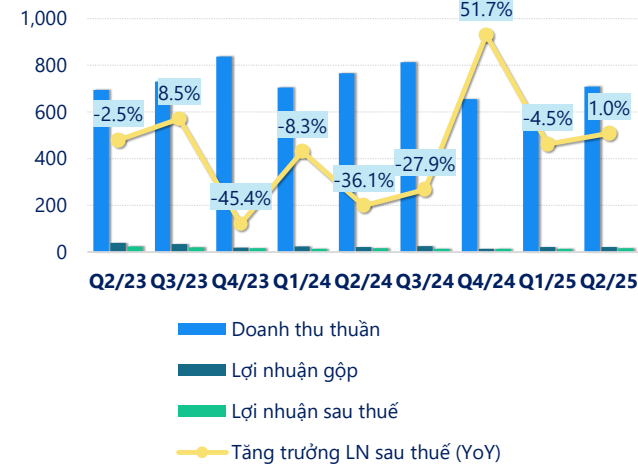
Q2/25

6.6%

+/- YoY: ▼ 1.5%

tỷ VNĐ

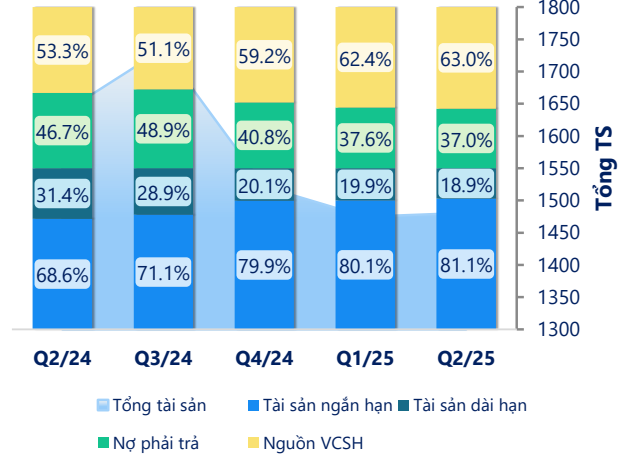
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

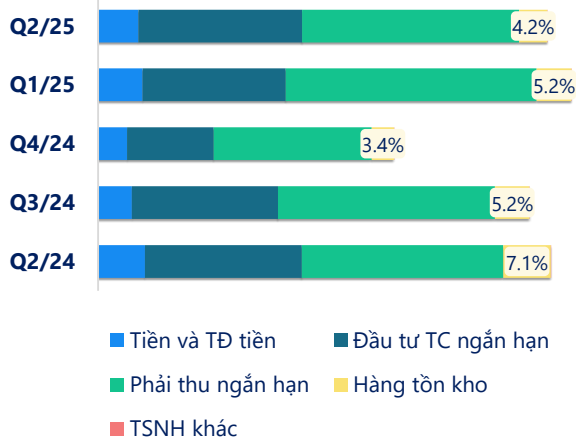
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



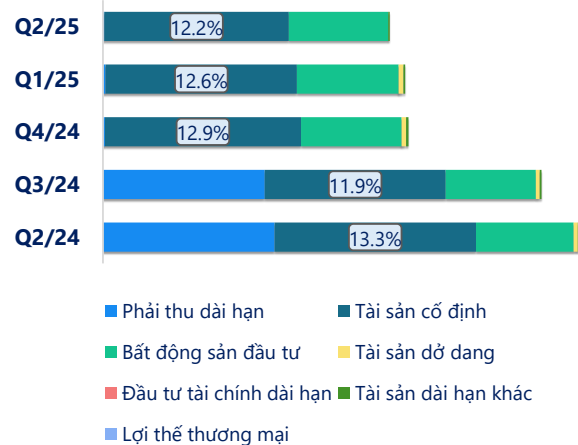
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

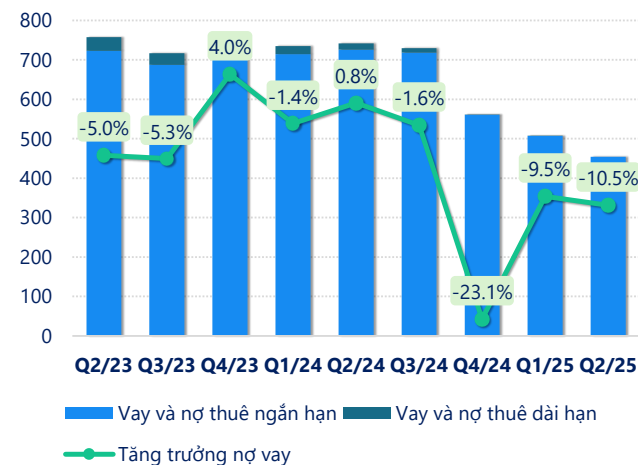
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

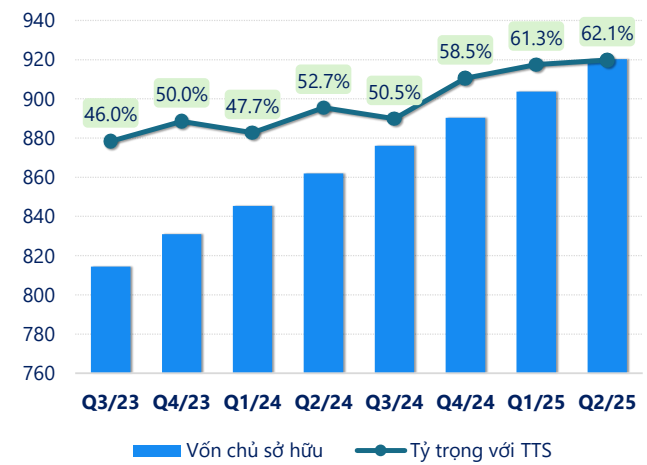
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

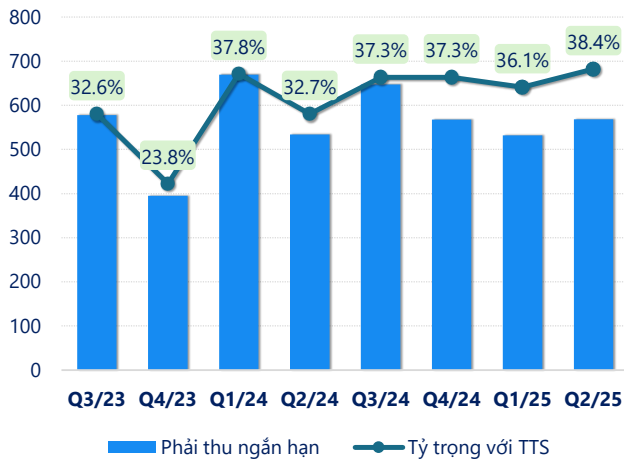
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



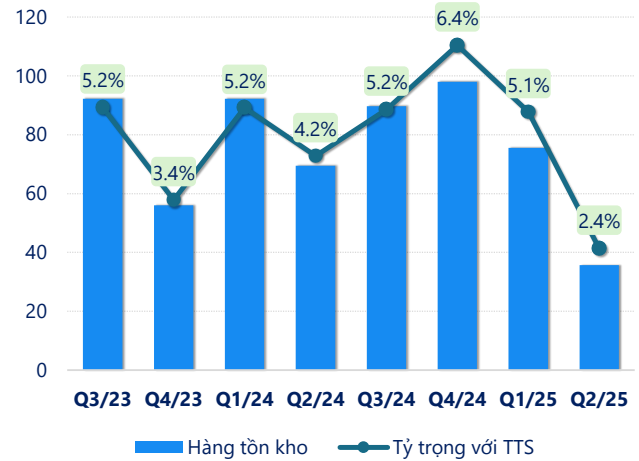
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


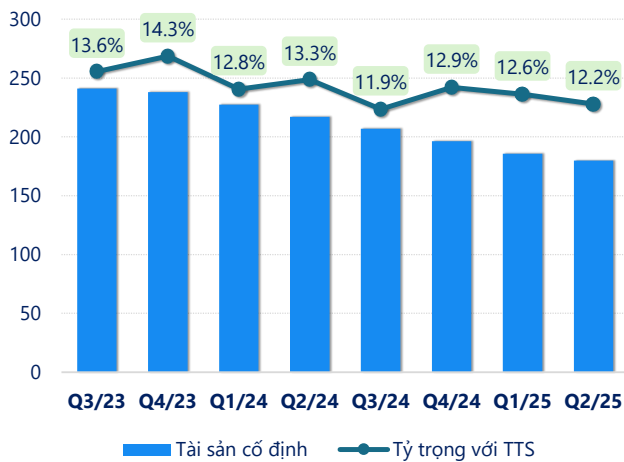
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


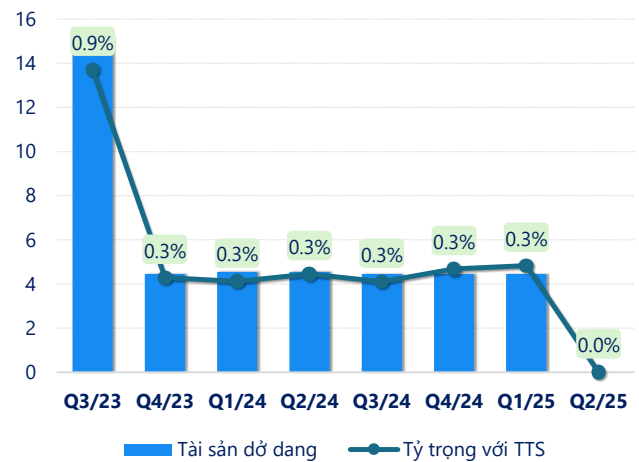
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

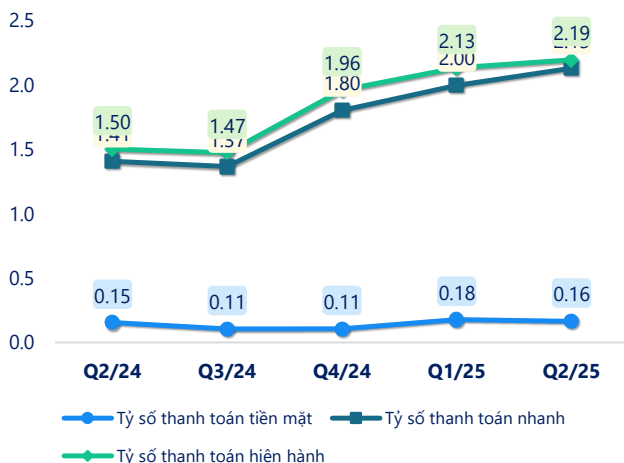
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

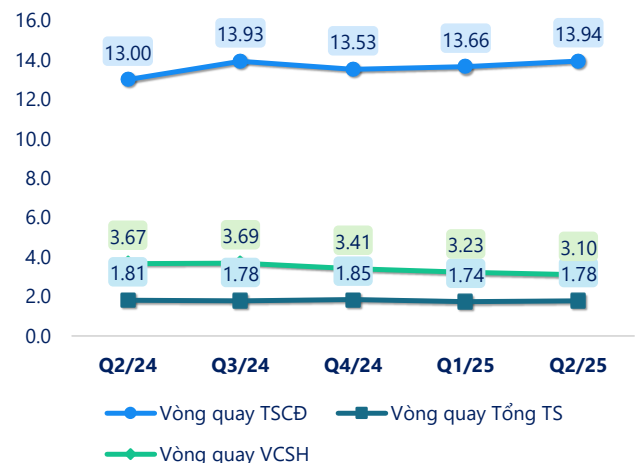
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,635	1,735	1,521	1,475	1,481
Tài sản ngắn hạn	1,122	1,234	1,215	1,181	1,201
Tiền và tương đương tiền	115	88.0	66.3	98.4	89.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	403	409	483	475	507
Phải thu ngắn hạn	534	647	568	532	568
Hàng tồn kho	69.4	89.7	98.0	75.5	35.7
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.04	0	0	0.01
Tài sản dài hạn	513	501	306	293	280
Phải thu dài hạn	185	185	1.90	2.60	1.25
Tài sản cố định	217	207	196	186	180
Bất động sản đầu tư	105	103	101	98.8	96.8
Tài sản dở dang	4.55	4.45	4.45	4.45	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.33	2.00	2.20	1.89	1.60
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	763	849	621	555	547
Nợ ngắn hạn	748	838	620	554	547
Vay và nợ thuê ngắn hạn	726	718	560	507	454
Phải trả người bán ngắn hạn	11.7	110	14.6	29.7	85.7
Nợ dài hạn	15.7	11.0	0.35	0.35	0
Vay và nợ thuê dài hạn	15.7	11.0	0.35	0.35	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	872	886	901	920	933
Vốn chủ sở hữu	862	876	890	904	920
Vốn điều lệ	629	692	692	692	692
Kinh phí và quỹ khác	10.3	10.3	10.3	16.7	13.1

(Nguồn: fireant.vn)